

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2017/DS-ST

Ngày: 09-8-2017

V/v “*Thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu;
2. Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ánh Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Kim Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2017 về “*Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 07 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số nhà 6, đường 54, khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm: 1967;

2.2. Chị Trần Thị Ngọc C, sinh năm: 1986;

2.3. Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1988;

2.4. Chị Trần Thị Ngọc E, sinh năm: 1995;

Cùng địa chỉ: Số nhà 4, hẻm 2, đường 54, khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2.5. Chị Trần Thị Ngọc F, sinh năm: 1980; địa chỉ: Số nhà 4, hẻm 2, đường 54, khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Số 18, ấp T, xã Trung Tâm, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Số 02, đường Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ông Trịnh Ngọc K là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

Ông Võ Tự T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Giám đốc Agribank chi nhánh Tây Ninh).

Bà Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tự T, chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch Hiệp Ninh (Giấy ủy quyền số 40/GUQ-NHNo-PC ngày 04/7/2017); vắng mặt.

Địa chỉ: Số 11, đường A, khu phố B, phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ KIẾN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 01 năm 2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị A và ông Trần Ngọc Đ không có quan hệ họ hàng. Ông Đ làm việc trên Ủy ban nhân dân phường A nên quen biết và chị cho ông Đ vay tiền. Khoảng 11 giờ ngày 29/12/2016, ông Đ gọi điện cho chị hỏi vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Khoảng 14 giờ ngày 29/12/2016, chị cầm số tiền 100.000.000 đồng đưa cho ông Đ vay tại Ủy ban nhân dân phường A. Ông Đ có viết giấy mượn tiền cho chị đề ngày 29/12/2016. Mẫu giấy mượn tiền là của chị, còn chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 29/12/2016 là của ông Đ. Mục đích ông Đ vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng. Ông Đ hẹn vay ngày 29/12/2016 và đáo hạn xong ngày 30/12/2016 thì sẽ trả lại số tiền cho chị. Lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Ngày 30/12/2016, chị gọi điện cho ông Đ thì máy điện thoại ông Đ bị tắt máy. Ngày 31/12/2016, chị tính lên Ủy ban nhân dân phường A gặp ông Đ lấy tiền thì nghe tin ông Đ đã chết. Sau khi mở cửa mả của ông Đ xong chị có đến nhà gặp vợ con ông Đ để trình bày việc ông Đ có vay tiền của chị, nay ông Đ mất đề nghị gia đình trả tiền cho chị nhưng gia đình nói việc ông Đ vay tiền họ không biết nên chị mới khởi kiện lên Tòa án. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ con ông Đ là hàng thừa kế thứ nhất phải trả cho chị số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi (lý do ông Đ đã chết).

Tại phiên tòa, chị A yêu cầu Tòa án buộc bà B, chị C, chị D, chị E, chị F liên đới trả cho chị số tiền vốn ông Đ khi còn sống vay chị là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Thu B trình bày:

Bà B là vợ của ông Đ, bà và ông Đ sống chung với nhau từ năm 1986 nhưng mới đăng ký kết hôn khoảng 6 năm nay. Bà và ông Đ có 03 người con chung là Trần Thị Ngọc C, sinh năm: 1986; Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1988 và Trần Thị Ngọc E, sinh năm: 1995. Ông Đ có một người con riêng là Trần Thị Ngọc F, sinh năm: 1980 nhưng bà và ông Đ nuôi từ nhỏ cho đến nay. Ông Đ bị bệnh mất ngày 31/12/2016, không để lại di chúc. Ông Đ chết để lại di sản là nhà đất hiện nay bà và các con ông Đ đang ở và quản lý. Ông Đ đang thế chấp nhà đất vay tiền của Ngân hàng 250.000.000 đồng. Việc ông Đ vay tiền chị A bà và các con hoàn toàn không

biết. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị A vì hiện nay bà không có khả năng trả tiền cho chị A.

- Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị Ngọc C, Trần Thị Ngọc D, Trần Thị Ngọc E và Trần Thị Ngọc F trình bày:

Các chị là con ruột của ông Trần Ngọc Đ. Ông Đ bị bệnh mất ngày 31/12/2017, không để lại di chúc. Ông Đ có để lại di sản là nhà đất hiện nay bà B và các chị đang ở và quản lý. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ đã và đang thế chấp cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh tỉnh Tây Ninh, phòng giao dịch Hiệp Ninh vay số tiền 250.000.000 đồng. Việc ông Đ khi còn sống vay tiền của chị A thì bà B và các chị hoàn toàn không biết. Các chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị A. Bởi vì hiện nay các chị không có khả năng trả tiền cho chị A.

- Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh tỉnh Tây Ninh, phòng giao dịch Hiệp Ninh bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 17/02/2016, ông Đ, bà B vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch Hiệp Ninh số tiền 250.000.000 đồng để chăn nuôi bò và sản xuất măng cầu. Thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 17/02/2019. Ông Đ, bà B đã quá nợ phân kỳ từ ngày 17/02/2017. Ông Đ, bà B còn nợ gốc là 250.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 05/7/2017 là 25.910.000 đồng. Tài sản bảo đảm nợ vay là đất thổ cư + đất vườn diện tích 658m², thửa số 317, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01667 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 18/12/1995, đất tọa lạc tại khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Phòng giao dịch khu vực Hiệp Ninh không tham gia tố tụng trong vụ án nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị A yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu B, chị Trần Thị Ngọc C, Trần Thị Ngọc D, Trần Thị Ngọc E và Trần Thị Ngọc F; cùng ngụ tại: khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trả số tiền vốn

khi còn sống ông Trần Ngọc Đ đã vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Khi Tòa án thụ lý xác định đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ kiện là “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 637 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2] Bà B, chị C, chị D, chị E, chị F và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Trần Ngọc Đ có vợ là bà Nguyễn Thị Thu B. Ông Đ, bà B có 03 người con ruột là Trần Thị Ngọc C, Trần Thị Ngọc D và Trần Thị Ngọc E. Ông Đ có 01 người con riêng là Trần Thị Ngọc F. Ngày 29/12/2016, ông Đ ký giấy nợ vay chị A 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ngày 31/12/2017, ông Đ bị bệnh chết. Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B, chị C, chị D, chị E, chị F có nghĩa vụ liên đới trả chị 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà khi còn sống ông Đ đã vay của chị, không yêu cầu tính lãi. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị A là Giấy mượn tiền đề ngày 29/12/2016.

[4] Bà B, chị C, chị D, chị E, chị F không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị A. Bà B và các chị hoàn toàn không biết việc ông Đ vay tiền của chị A. Việc vay mượn phải có giấy mượn tiền do ông Đ, bà B ký tên. Khi giao tiền cũng phải có mặt ông Đ, bà B. Bà B và các chị không xác định được giấy mượn tiền đề ngày 29/12/2016 có phải chữ viết và chữ ký của ông Đ hay không. Ông Đ mất không để lại di chúc. Ông Đ có để lại di sản là nhà và đất tọa lạc tại khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh mà bà B và các chị đang ở và quản lý. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Agribank là 250.000.000 đồng và lãi suất.

[5] Theo kết luận giám định số 27/GT.2017 ngày 25/5/2017 kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên Trần Ngọc Đ trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký và chữ viết của Trần Ngọc Đ trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M01 đến M03) do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, theo kết luận giám định xác định giấy mượn tiền đề ngày 29/12/2016 là do ông Trần Ngọc Đ ký và viết ra.

[6] Theo kết quả đo đạc, định giá ngày 11/7/2017: Theo hiện trạng thực tế phần đất tọa lạc tại khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh do ông Trần Ngọc Đ đứng tên có diện tích 707,6m². Giá đất thực tế là 70.000.000 đồng/ 01m ngang x 24,3m ngang là 1.701.000.000 đồng. Giá trị căn nhà còn lại trên đất là 294.731.000 đồng. Giá trị cây trên đất là 9.630.000 đồng. Tổng cộng giá trị nhà đất và cây trái là 2.005.361.000 (hai tỷ năm triệu ba trăm sáu mươi một ngàn) đồng.

[7] Chị A xác định đây là nợ riêng của ông Đ vay chị. Nay ông Đ mất thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ là bà B, chị C, chị D, chị E, chị F phải thực hiện nghĩa vụ của người chết để trả tiền cho chị. Do có căn cứ xác định đây là khoản nợ của ông Đ vay chị A khi ông Đ còn sống. Nay ông Đ chết thì bà B và các con ông Đ là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ và là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ phải có nghĩa vụ đối với các khoản nợ của ông Đ. Di sản hiện nay ông Đ

để lại bà B và các con đang quản lý và sử dụng. Vì vậy, bà B, chị C, chị D, chị E, chị F phải có nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản ông Đ để lại là có căn cứ.

[8] Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh tỉnh Tây Ninh, phòng giao dịch Hiệp Ninh không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết.

[9] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề xuất hướng giải quyết: Căn cứ vào các Điều 298 và 637 của Bộ luật Dân sự năm 2005; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A đối với bà B, chị C, chị D, chị E, chị F. Buộc bà B, chị C, chị D, chị E, chị F có nghĩa vụ liên đới trả cho chị A số tiền 100.000.0000 (một trăm triệu) đồng trong phạm vi di sản ông Đ để lại. Án phí dân sự sơ thẩm bà B, chị C, chị D, chị E, chị F phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A đối với bà B, chị C, chị D, chị E, chị F là có cơ sở.

[11] Về chi phí tố tụng: Bà B, chị C, chị D, chị E, chị F phải chịu 1.020.000 (một triệu không trăm hai mươi ngàn) đồng tiền giám định và 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tiền đo đạc, định giá. Tổng cộng, bà B, chị C, chị D, chị E, chị F phải chịu là 1.620.000 (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng. Chị A đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.620.000 (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng. Thu số tiền 1.620.000 (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng của bà B, chị C, chị D, chị E, chị F trả lại cho chị A.

[12] Về án phí: Bà B, chị C, chị D, chị E, chị F phải chịu theo **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 298 và 637 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A về việc “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu B, chị Trần Thị Ngọc C, chị Trần Thị Ngọc D, chị Trần Thị Ngọc E, chị Trần Thị Ngọc F có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị A số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong phạm vi di sản ông Trần Ngọc Đ để lại. Ghi nhận chị A không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thu B, chị Trần Thị Ngọc C, chị Trần Thị Ngọc D, chị Trần Thị Ngọc E, chị Trần Thị Ngọc F phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh hoàn trả lại cho chị A số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng tại biên lai thu số 0003649 ngày 18/01/2017.

3. Về chi phí tố tụng: Bà B, chị C, chị D, chị E, chị F phải chịu 1.020.000 (một triệu không trăm hai mươi ngàn) đồng tiền giám định và 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng tiền đo đạc, định giá. Tổng cộng bà B, chị C, chị D, chị E, chị F phải chịu là 1.620.000 (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng. Chị A đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.620.000 (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng. Thu số tiền 1.620.000 (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn) đồng của bà B, chị C, chị D, chị E, chị F trả lại cho chị A.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Bích Hằng